

Số: /QĐ-UBND      *Tuy Phước Đông, ngày      tháng 10 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ kinh phí năm 2025 cho Phòng Kinh tế  
để thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28/07/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/07/2025 của HĐND xã Tuy Phước Đông Khóa I, kỳ họp thứ 2 về giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của xã Tuy Phước Đông.*

*Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của UBND xã Tuy Phước Đông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc bổ sung mục tiêu năm 2025 cho ngân sách xã, phường để thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng (đợt 3);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ kinh phí năm 2025 cho Phòng Kinh tế từ nguồn bổ sung mục tiêu đã được UBND tỉnh bố trí tại Quyết định 2381/QĐ-UBND ngày 27/10/2025, để Phòng Kinh tế thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng, với tổng số tiền: **8.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu đồng).**

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm về đối tượng hỗ trợ; quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh, quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã, Kho bạc Nhà nước Khu vực XV - Phòng giao dịch số 01 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu : VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Dương Minh Tân**

**PHỤ LỤC**  
**BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      /10/2025 của UBND xã)*

*Đơn vị tính: đồng*

| TT                                                                   | Tên đơn vị       | Mã QHNS | Chương | Khoản | Số tiền          |
|----------------------------------------------------------------------|------------------|---------|--------|-------|------------------|
| <b>I. Nguồn kinh thực hiện chính sách trợ giúp xã hội (nguồn 15)</b> |                  |         |        |       |                  |
| 1                                                                    | Phòng Kinh tế    | 1145587 | 831    | 398   | 8.000.000        |
|                                                                      | <b>Tổng cộng</b> |         |        |       | <b>8.000.000</b> |

***Bằng chữ: Tám triệu đồng.***